

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-ST

Ngày: 18 -3-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Khắc Quỳnh;

2. Ông Trần Văn Thạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:**  
Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên;

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Quốc M**, giới tính: nam; sinh ngày 01 tháng 9 năm 1991; tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 21, tổ 25, ấp T, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: tạm trú số 362, đường L, ấp A, xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao đài. Con ông Lê Văn K, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1968. Vợ tên Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm: 1998, ngụ: khu phố L, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: buôn bán. Con: Có 02 người, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không có. Nhân thân: tốt;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12 tháng 10 năm 2020, tạm giam ngày 21 tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Chị Quách Thị Bích V, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã H (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Chị Lê Thị Thu N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 136/2C, ấp T, xã B, thị xã H (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Lê Quốc M nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản của người khác. Sau đó, M tự ý lấy xe mô tô loại Wave Anpha màu đen bạc, biển số 70G1-736.96 do chị Huỳnh Thị Thùy T (vợ M) đứng tên sở hữu để làm phương tiện. M lựa chọn đối tượng là phụ nữ có đeo dây chuyền vàng đi trên các tuyến đường vắng người qua lại để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Trong thời gian từ ngày 09/10/2020 đến ngày 12/10/2020 trên địa bàn thị xã Hòa Thành, Lê Quốc M đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/10/2020, M điều khiển xe mô tô di chuyển trên hẻm 78, đường Nguyễn Chí Thanh thuộc khu phố Long Kim, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; M nhìn thấy chị Lê Thị Thu N, sinh năm 1972 ngụ ấp T, xã B, thị xã H điều khiển xe tay ga loại SH Mode, biển số 70D1-392.60 trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng, loại mắt xích, có mặt hình tròn. M điều khiển xe chạy áp sát bên phải xe chị N rồi dùng tay trái giật lấy dây chuyền trên cổ chị N rồi tăng ga tẩu thoát. Sau đó, M đem bán ở tiệm vàng (không nhớ tên, địa chỉ) trên đường Cách mạng Tháng tám thuộc Phường 3, thành phố Tây Ninh, bán được 6.000.000 đồng dùng tiền tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 12/10/2020 khi đang điều khiển xe mô tô đi trên hẻm số 18, đường Trịnh Phong Đáng thuộc ấp A, xã B, thị xã H, M nhìn thấy chị Quách Thị Bích V, sinh năm 1985 ngụ ấp A, xã B, thị xã H điều khiển xe mô tô hiệu Vison màu trắng, biển số 70G1-841.20 chạy cùng chiều phía trước trên cổ có đeo dây chuyền vàng, loại dây dạng bi. M điều khiển xe áp sát bên phải xe chị V rồi dùng tay trái giật lấy dây chuyền trên cổ chị V làm dây chuyền bị đứt rơi xuống mặt đường, chị V truy hô, sau đó M quay đầu xe chạy ra hướng đường Trịnh Phong Đáng định tẩu thoát thì bị chị V cùng người dân địa phương bắt giữ giao Công an xử lý. Đã thu giữ 01 đoạn dây chuyền trọng lượng 02 chỉ 05 phân 06 ly vàng 18K hoàn trả cho bị hại, phần dây chuyền còn lại, do bị giật rơi mất không tìm lại được.

Tại Kết luận định giá số 67 ngày 16/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Hòa Thành, kết luận: 01 dây chuyền vàng 18K, loại bi, trọng lượng 3,8 chỉ của Quách Thị Bích V có giá trị 12.494.400 đồng; 01 dây chuyền vàng 18K, loại mắt xích, có mặt dây hình tròn, trọng lượng 03 chỉ của Lê Thị Thu N có giá trị 9.864.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và vật chứng đã bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố;

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo M đã bồi thường cho chị Quách Thị Bích V số tiền 5.000.000 đồng và chị Lê Thị Thu N số tiền 10.000.000 đồng, nên các bị hại không yêu cầu bồi thường thêm.

Tại cáo trạng số 14/CT-VKSHT ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đã truy tố bị cáo Lê Quốc M về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2, Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2, Điều 171; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù. Hình phạt bổ sung: miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Xử lý vật chứng: Do chị Huỳnh Thị Thùy T không biết bị cáo M sử dụng xe mô tô biển số 70G1-736.96 làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hòa Thành đã trả xe lại cho chị T là phù hợp; 01 đoạn dây chuyền trọng lượng 02 chỉ 05 phân 06 ly vàng 18K đã hoàn trả cho chị V.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm;

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát;

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo, những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Hòa Thành; Điều tra viên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Để có tiền tiêu xài, trong các ngày 09/10/2020 và 12/10/2020, trên địa bàn thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Lê

Quốc M đã sử dụng xe mô tô loại Wave Anpha màu đen bạc, biển số 70G1-736.96 làm phương tiện thực hiện 02 vụ cướp giật dây chuyền của chị Quách Thị Bích V và chị Lê Thị Thu N, với tổng giá trị tài sản là 22.358.400 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu trật tự trị an địa phương, xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội. Mặc khác, bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người đi đường là rất nguy hiểm, có khả năng dẫn đến thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của người bị hại và những người khác khi tham gia giao thông.

[4] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Quốc M phạm tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung hình phạt “dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2, Điều 171 Bộ luật hình sự.

[5] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5.1] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị cáo tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội xảy ra trước đó; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5.2] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[6] Xét thấy, cần xem xét mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ về hành vi thực hiện tội phạm đối với bị cáo đã gây ra và cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và góp phần phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản và thu nhập không ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Xử lý vật chứng: Ghi nhận đã trả lại cho chị Huỳnh Thị Thùy T 01 xe mô tô biển số 70G1-736.96; trả lại cho chị V 01 đoạn dây chuyền trọng lượng 02 chỉ 05 phân 06 ly vàng 18K.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận chị N, chị V đã nhận lại tài sản và nhận tiền bồi thường nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 171; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc M phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Xử phạt bị cáo Lê Quốc M **03 (ba) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2020.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Lê Quốc M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày tiếp theo ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TXHT;
- Đội ĐTTP về TTATXH;
- Đội PV 27;
- CC THADS TXHT;
- THAHS
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Văn Lắm**